

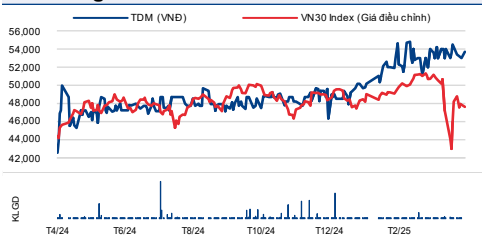
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ61,500
Tiềm năng tăng/giảm: 14.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/4/2025)	53,700
Mã Bloomberg	TDM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,568-54,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	53,233
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,907
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	228
Sig CP lưu hành (tr.đv)	110
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	55.0
Sig CP NN được mua (tr.đv)	3.43
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.9%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	VCI (14.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	544	398	410
EBITDA đc (tỷ đồng)	385	287	296
LNTT (tỷ đồng)	225	207	206
LNT ĐC (tỷ đồng)	421	375	425
FCF (tỷ đồng)	388	(148)	122
EPS ĐC (đồng)	4,007	3,395	3,829
DPS (đồng)	1,273	1,400	1,300
BVPS (đồng)	22,893	23,296	23,773
T.trưởng EBITDA (%)	2.54	(25.4)	3.17
T.trưởng EPS ĐC (%)	(31.3)	(7.97)	(0.83)
Tăng trưởng DPS (%)	(2.10)	10.0	(7.14)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	70.7	72.2	72.3
Tỷ suất LNTT (%)	41.4	51.9	50.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	37.5	49.8	48.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	65.4	78.1	73.2
Nợ thuần/VCSH (%)	4.86	7.94	1.45
ROAE (%)	8.98	7.76	7.55
ROACE (%)	9.99	4.38	3.43
EV/doanh thu (lần)	11.1	15.5	14.6
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.6	21.5	20.3
P/E ĐC (lần)	13.4	15.8	14.0
P/B (lần)	2.35	2.31	2.26
Lợi suất cổ tức (%)	2.37	2.61	2.42

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TDM là công ty nước với công suất đạt 260,000 mét khối nước/ngày. TDM sở hữu 37.42% cổ phần của BWE, công ty nước có công suất lớn thứ 3 tại Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Thanh Nhã

Chuyên Viên Phân Tích, Ngành Năng
nha.nht@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 271

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q1/2025: Lợi nhuận tăng mạnh nhờ thu nhập từ cổ tức

- Lợi nhuận thuần Q1/2025 của TDM đạt 144 tỷ đồng (tăng 283% so với cùng kỳ và tăng 150% so với quý trước), hoàn thành 73% KHKD cho cả năm của Công ty và 73% dự báo cho cả năm của HSC.
- Lợi nhuận của TDM tăng đa phần nhờ cổ tức bằng tiền mặt 107 tỷ đồng từ BWE và sản lượng tiêu thụ tăng 2,6%. Ngoại trừ tác động từ khoản cổ tức nhận được từ BWE, lợi nhuận thuần của TDM giảm 2% so với cùng kỳ, đa phần do chi phí tài chính tăng, bao gồm trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và lỗ tỷ giá chưa thực hiện.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 0,6% trong 1 tháng qua, TDM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,2 lần, cao hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu theo phương pháp SuTP ở mức 61.500đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025

TDM công bố lợi nhuận thuần Q1/2025 vững chắc, ở mức 144 tỷ đồng (tăng 283% so với cùng kỳ và 150% so với quý trước). Kết quả trên hoàn thành 73% KQKD cho cả năm của Công ty và 73% dự báo cho cả năm của chúng tôi. Lưu ý rằng, TDM không nhận được cổ tức bằng tiền mặt từ BWE trong năm 2024 và nhận 107 tỷ đồng cổ tức trong Q1/2025. Ngoại trừ các tác động từ cổ tức bằng tiền mặt từ BWE, lợi nhuận thuần Q1/2025 giảm 2% so với cùng kỳ và giảm 36% so với quý trước (Bảng 1). Kết quả trên sát với dự báo do cổ tức từ BWE đóng góp 54% dự báo lợi nhuận thuần của chúng tôi, và lợi nhuận thuần được dự báo sẽ giảm trong các quý tiếp theo.

Mảng nước sạch cốt lõi: Lợi nhuận gộp vững chắc dù giá bán bình quân giảm

Trong Q1/2025, doanh thu mảng cấp nước của TDM giảm 5,7% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận gộp tăng 3,5% so với cùng kỳ, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 2,6% so với cùng kỳ. Kết quả trên cho thấy giá bán bình quân của mảng cấp nước giảm 8,1% so với cùng kỳ và lợi nhuận gộp trên mỗi m3 cải thiện 0,9% so với cùng kỳ (Bảng 2).

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tổng hợp KQKD Q1/2025, TDM

Lợi nhuận Q1/2025 của TDM tăng chủ yếu nhờ cổ tức bằng tiền mặt của BWE

Tỷ đồng	Q1/2025	So với cùng kỳ	So với quý trước
Doanh thu thuần	100	-5.8%	-30.8%
Doanh thu nước	100	-5.7%	-28.6%
Doanh thu vật liệu	0.4	-26.1%	-92.1%
Lợi nhuận gộp	51	3.5%	-38.1%
Mảng nước	51	3.5%	-38.1%
Mảng vật liệu	0.01	N/a	-92.1%
Thu nhập tài chính	108	5367.2%	2288.7%
Chi phí tài chính	(6)	27.4%	-66.0%
Trong đó: chi phí lãi vay	(2)	-61.6%	-29.8%
Chi phí BH&QL	(4)	1.2%	4.0%
Lợi nhuận/(lỗ) hoạt động	148	255.1%	131.9%
LNTT	148	253.7%	131.8%
Lợi nhuận thuần	144	283.2%	149.6%
Lợi nhuận thuần, trừ cổ tức BWE	37	-2.0%	-36.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	50.6%	4.6ppt	-6.0ppt
Mảng nước	50.8%	4.5ppt	-7.7ppt
Mảng vật liệu	2.0%	2.0ppt	0.0ppt
Tỷ suất lợi nhuận thuần	143.7%	108.4ppt	103.9ppt

Nguồn: TDM, HSC ước tính

Chúng tôi cho rằng lợi nhuận gộp trên mỗi m³ nước cải thiện là nhờ công suất hoạt động cao hơn (67% so với 65% trong Q1/2024) và tỷ lệ nước thất thoát ở mức 0,35% (giảm 0,08 điểm phần trăm). Như đã thảo luận trong báo cáo trước đó, từ tháng 3/2025, TDM có thể sẽ giảm giá bán nước cho công ty liên doanh và cũng là khách hàng duy nhất - BWE (TDM sở hữu 37,42% cổ phần) dựa trên triển vọng thận trọng cho năm 2025 của BWE.

Tác động rất nhỏ từ chi phí tài chính

TDM ghi nhận 6 tỷ đồng chi phí tài chính trong Q1/2025 (tăng 27,4% so với cùng kỳ), bao gồm (1) chi phí lãi vay 1,5 nghìn tỷ đồng (giảm 61,6%), (2) trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư 2,9 tỷ đồng của TDM vào CTCP Cấp nước Gia Tân và CTCP Biwase Quảng Bình và (3) lỗ tỷ giá chưa thực hiện 1,5 tỷ đồng.

Hoạt động sáp nhập & mua lại

TDM đã chi 169 tỷ đồng để mua lại 10% cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Mỹ Vinh, hoạt động mảng cấp nước tại Long An trong Q1/2025. Dựa trên KQKD của năm 2023, giao dịch này tương đương với P/E năm 2023 ở mức 47 lần, khá cao so với P/E của BWE ở mức 12,9 lần.

HSC kỳ vọng thương vụ này sẽ cho phép TDM mở rộng HĐKD tại tỉnh Long An. Phú Mỹ Vinh hiện đang vận hành 2 nhà máy nước với tổng công suất 110.000 m³/ngày và đã được cấp phép xây thêm một nhà máy mới tổng công suất 200.000 m³/ngày (Bảng 3). Hệ số EV/công suất của Phú Mỹ Vinh trong trường hợp loại trừ/bao gồm công suất được cấp phép 200.000 m³/ngày tại thời điểm cuối năm 2023 đạt lần lượt là 20,1 lần và 7,1 lần. Cả hai đều thấp hơn hệ số EV/công suất hiện tại của TDM là 23,9 lần.

Việc mua lại Phú Mỹ Vinh làm suy yếu thanh khoản của TDM, với chỉ số hiện hành giảm xuống còn 1,6 lần (từ 2,8 lần vào cuối năm 2024).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 0,6% trong 1 tháng qua, TDM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,2 lần, cao hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu theo phương pháp SoTP ở mức 61.500đ.

Bảng 2: KQKD mảng nước Q1/2025, TDM

Lợi nhuận mảng kinh doanh cốt lõi được cải thiện nhờ công suất hoạt động cải thiện và tỷ lệ nước thất thoát giảm

	Q1/2025	So với cùng kỳ	So với quý trước	% Kế hoạch
Sản lượng sản xuất (triệu m ³)	16	2.5%	-22.5%	21%
Hiệu suất (%)	67%	2.4ppt	-17.6ppt	
Sản lượng tiêu thụ (triệu m ³)	16	2.6%	-22.2%	21%
Tỷ lệ thất thoát (%)	0.35%	-0.8ppt	-0.4ppt	
Giá bán bình quân/m ³ (đồng)	6,361	-8.1%	-8.3%	
Lợi nhuận gộp/m ³ (đồng)	3,229	0.9%	-20.4%	

Nguồn: TDM, HSC ước tính

Bảng 3: Nhà máy nước Phú Mỹ Vinh tại tỉnh Long An

Nhà máy nước	Tiến độ	Công suất (m ³ /ngày)	Vị trí
Đức Hòa 3	Hoàn thành	30,000	Khu công nghiệp Đức Hòa 3
Hoà Khánh Tây	Hoàn thành	80,000	Khách hàng dân cư và công nghiệp tại các huyện Đức Hòa, Bến Lức
Phú Mỹ Vinh 2	Đã được cấp phép	200,000	Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc

Nguồn: HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	533	544	398	410	422
Lợi nhuận gộp	241	258	141	120	170
Chi phí BH&QL	(14.2)	(14.2)	(14.2)	(14.2)	(14.2)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	227	243	127	106	156
Lãi vay thuần	75.4	(18.2)	79.5	99.6	107
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	0.15	0.07	0	0	0
LNTT	302	225	207	206	262
Chi phí thuế TNDN	(18.7)	(20.9)	(8.53)	(8.45)	(14.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	283	204	198	197	248
Lợi nhuận thuần ĐC	424	421	375	425	504
EBITDA ĐC	376	385	287	296	306
EPS (đồng)	2,834	1,947	1,792	1,777	2,234
EPS ĐC (đồng)	4,243	4,007	3,395	3,829	4,539
DPS (đồng)	1,300	1,273	1,400	1,300	1,300
Slg CP bình quân (triệu đv)	100	105	111	111	111
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	100	110	111	111	111
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	100	110	111	111	111

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	110	264	343	606	760
Đầu tư ngắn hạn	40.0	157	127	118	108
Phải thu khách hàng	351	156	137	61.5	63.3
Hàng tồn kho	2.06	77.3	58.4	62.2	66.2
Các tài sản ngắn hạn khác	2.10	2.93	4.13	6.30	8.60
Tổng tài sản ngắn hạn	505	657	669	854	1,005
TSCĐ hữu hình	650	696	716	827	776
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	60.0	7.48	157	6.48	7.48
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,232	1,532	1,532	1,532	1,532
Tài sản dài hạn khác	156	131	147	152	156
Tổng tài sản dài hạn	2,098	2,366	2,553	2,517	2,472
Tổng cộng tài sản	2,603	3,024	3,221	3,371	3,477
Nợ ngắn hạn	215	112	112	112	112
Phải trả người bán	52.4	6.57	6.79	9.04	11.4
Nợ ngắn hạn khác	240	112	78.2	76.4	74.5
Tổng nợ ngắn hạn	515	238	200	200	203
Nợ dài hạn	52.3	267	433	529	529
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	52.3	267	433	529	529
Tổng nợ phải trả	567	505	633	730	732
Vốn chủ sở hữu	2,037	2,518	2,588	2,641	2,745
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,037	2,518	2,588	2,641	2,745
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,603	3,024	3,221	3,371	3,477
BVPS (đ)	20,366	22,893	23,296	23,773	24,707
Nợ thuần*/(tiền mặt)	157	116	203	35.8	(118)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	227	243	127	106	156
Khấu hao	(149)	(142)	(160)	(190)	(150)
Lãi vay thuần	75.4	(18.2)	79.5	99.6	107
Thuế TNDN đã nộp	(18.7)	(20.9)	(8.53)	(8.45)	(14.1)
Thay đổi vốn lưu động	99.9	(55.2)	(0.75)	69.6	(5.97)
Khác	(96.2)	223	(71.9)	(47.7)	(49.5)
LCT thuần từ HKKD	341	523	182	272	198
Đầu tư TS dài hạn	(81.2)	(135)	(330)	(150)	(100)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	(64.2)	(497)	13.5	4.59	5.74
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	(632)	(316)	(145)	(94.3)
Cổ tức trả cho CSH	(130)	(140)	(156)	(144)	(144)
Thu từ phát hành CP	64.4	0	0	0	300
Tăng/giảm nợ	11.1	112	166	96.0	0
Khác	(64.4)	291	203	185	(106)
LCT thuần từ HĐTC	(119)	263	213	137	49.6
Tiền & tương đương tiền đầu kì	33.5	110	264	343	606
LCT thuần trong kỳ	76.5	154	78.8	263	154
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	110	264	343	606	760
Dòng tiền tự do	260	388	(148)	122	98.2

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.2	47.3	35.5	29.4	40.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	70.5	70.7	72.2	72.3	72.4
Tỷ suất LNT (%)	53.2	37.5	49.8	48.2	58.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.19	9.28	4.13	4.11	5.37
Tăng trưởng doanh thu (%)	11.2	2.22	(26.9)	3.00	3.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(2.21)	2.54	(25.4)	3.17	3.16
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(10.1)	(0.84)	(10.8)	13.3	18.6
Tăng trưởng EPS (%)	28.6	(31.3)	(7.97)	(0.83)	25.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.1)	(5.56)	(15.3)	12.8	18.6
Tăng trưởng DPS (%)	8.33	(2.10)	10.0	(7.14)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.9	65.4	78.1	73.2	58.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	8.98	7.76	7.55	9.22
ROACE (%)	10.7	9.99	4.38	3.43	4.83
Vòng quay tài sản (lần)	0.21	0.19	0.13	0.12	0.12
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.50	2.15	1.43	2.56	1.27
Số ngày tồn kho	2.57	98.3	83.2	78.5	95.8
Số ngày phải thu	439	199	194	77.5	91.6
Số ngày phải trả	65.6	8.37	9.67	11.4	16.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	8.09	4.86	7.94	1.45	(4.14)
Nợ/tài sản (%)	10.6	12.8	17.0	19.1	18.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	13.4	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.73	1.00	1.91	2.17	2.11
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.98	2.76	3.34	4.26	4.96
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	10.4	11.1	15.5	14.6	13.9
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.7	15.6	21.5	20.3	19.1
P/E (lần)	18.9	27.6	30.0	30.2	24.0
P/E ĐC (lần)	12.7	13.4	15.8	14.0	11.8
P/B (lần)	2.64	2.35	2.31	2.26	2.17
Lợi suất cổ tức (%)	2.42	2.37	2.61	2.42	2.42

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn